THỰC TRẠNG VÀ BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC, KẾT NỐI DOANH NGHIỆP CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y DƯỢC TUỆ TĨNH HÀ NỘI

Nguyễn Văn Vượng
Trường Cao đẳng Y Dược Tuệ Tĩnh Hà Nội
Email: vanvuong1987@gmail.com

Tóm tắt: *Bài báo tập trung nghiên cứu thực trạng hoạt động hợp tác, kết nối doanh nghiệp của Trường Cao đẳng Y Dược Tuệ Tĩnh Hà Nội trong giai đoạn gần đây; phân tích những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân ảnh hưởng đến hiệu quả hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp. Trên cơ sở tổng hợp lý luận, phân tích kinh nghiệm của một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN) trong và ngoài nước, bài báo đề xuất hệ thống giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hợp tác doanh nghiệp theo hướng thực chất, bền vững và lấy nhu cầu của người học cũng như yêu cầu của thị trường lao động làm trung tâm ở Trường Cao đẳng Y Dược Tuệ Tĩnh Hà Nội.*

Từ khoá: *Thực trạng, biện pháp, hoạt động hợp tác, kết nối doanh nghiệp Trường Cao đẳng Y Dược Tuệ Tĩnh Hà Nội*

CURRENT SITUATION AND MEASURES TO ENHANCE THE EFFECTIVENESS OF UNIVERSITY–INDUSTRY COLLABORATION AT HANOI TUE TINH COLLEGE OF MEDICINE AND PHARMACY

Abstract: *This paper examines the current status of university–industry collaboration at Hanoi Tue Tinh College of Medicine and Pharmacy in recent years. It analyzes the achievements, limitations, and factors affecting the effectiveness of cooperation between the college and enterprises. Based on a review of relevant literature and an analysis of collaboration models implemented by selected vocational education institutions in Vietnam and abroad, the paper proposes a system of measures to enhance the effectiveness of university–industry collaboration in a practical, sustainable, and learner-centered manner, while meeting the demands of the labor market.*

Keywords: *current situation; measures; university–industry collaboration; enterprise engagement; Hanoi Tue Tinh College of Medicine and Pharmacy.*

Nhận bài: 19/06/2026 Phản biện: 19/07/2026 Duyệt đăng: 22/07/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành TƯ Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã khẳng định yêu cầu đổi mới giáo dục theo hướng gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động, tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp trong quá trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

Đối với khối ngành y dược, yêu cầu về chất lượng đào tạo ngày càng cao do đặc thù nghề nghiệp liên quan trực tiếp đến sức khỏe và tính mạng con người. Sinh viên y dược không chỉ cần được trang bị kiến thức chuyên môn mà còn phải có kỹ năng thực hành thành thạo, đạo đức nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và khả năng thích ứng nhanh với môi trường làm việc thực tế. Vì vậy, tăng cường hợp tác giữa nhà trường với các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh, doanh nghiệp dược phẩm, doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh trang thiết bị y tế có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Đối với Trường Cao đẳng Y Dược Tuệ Tĩnh Hà Nội, trong những năm qua, đã chú trọng mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều bệnh viện, cơ sở y tế, nhà thuốc, doanh nghiệp dược phẩm và các đơn vị sử dụng lao động nhằm tạo điều kiện cho sinh viên được thực hành, thực tập và tìm kiếm việc làm sau tốt nghiệp. Hoạt động hợp tác này đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, từng bước khẳng định uy tín của nhà trường và tăng tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi ra trường. Tuy nhiên, trước yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động, sự cạnh tranh giữa các cơ sở đào tạo và xu hướng chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp, mô hình hợp tác hiện nay cần tiếp tục được đổi mới cả về nội dung, phương thức tổ chức và cơ chế quản lý.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Một số vấn đề lý luận về hợp tác giữa cơ sở giáo dục và doanh nghiệp.

2.1.1.Khái niệm về hợp tác giữa cơ sở giáo dục và doanh nghiệp

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số, mối quan hệ hợp tác giữa cơ sở giáo dục và doanh nghiệp được xem là một trong những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, tăng khả năng thích ứng của người học với thị trường lao động và thúc đẩy đổi mới sáng tạo (OECD, 2021).

Theo Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), sự tham gia của doanh nghiệp vào quá trình đào tạo nghề giúp thu hẹp khoảng cách giữa kỹ năng được đào tạo và kỹ năng mà thị trường lao động yêu cầu, đồng thời nâng cao khả năng có việc làm của người học sau tốt nghiệp (ILO, 2022).

UNESCO (2021) cho rằng cơ sở giáo dục không chỉ là nơi truyền đạt tri thức mà cần trở thành một thành phần trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò đối tác chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu và phát triển nguồn nhân lực.

Luật GDNN Việt Nam năm 2014 quy định doanh nghiệp được khuyến khích tham gia xây dựng chương trình đào tạo, tổ chức thực hành, thực tập nghề nghiệp, đánh giá kỹ năng nghề và tuyển dụng người học sau tốt nghiệp. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để phát triển mô hình đào tạo gắn với nhu cầu của thị trường lao động.

Đối với các trường đào tạo khối ngành sức khỏe, hoạt động hợp tác còn bao gồm bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh, doanh nghiệp dược phẩm, doanh nghiệp sản xuất thiết bị y tế và các đơn vị sử dụng lao động nhằm bảo đảm sinh viên được tiếp cận môi trường nghề nghiệp ngay trong quá trình học tập.

2.1.2. Các mô hình hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp

Theo UNESCO (2021), mô hình hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp hiện nay chủ yếu phát triển theo ba hướng.

(1) Mô hình đào tạo kép (Dual Training System): Đức được xem là quốc gia thành công nhất với mô hình đào tạo kép, trong đó người học luân phiên học tập tại trường và làm việc tại doanh nghiệp. Mô hình này giúp sinh viên tích lũy kinh nghiệm thực tiễn ngay trong quá trình học và có tỷ lệ việc làm cao sau tốt nghiệp (OECD, 2021).

(2) Mô hình Triple Helix: Theo Etzkowitz và Leydesdorff (2000), mô hình Triple Helix được hình thành trên sự liên kết giữa Nhà nước – Nhà trường – Doanh nghiệp nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

(3) Mô hình đào tạo theo đặt hang: Theo ILO (2022), nhiều quốc gia châu Á đang phát triển mô hình doanh nghiệp đặt hàng đào tạo theo nhu cầu nhân lực, giúp giảm đáng kể tỷ lệ thất nghiệp của sinh viên sau tốt nghiệp.

2.2. Tổ chức nghiên cứu thực trạng

2.2.1. Cách tiếp cận nghiên cứu

Tác giả thực hiện tiếp cận kết hợp giữa nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng nhằm phân tích toàn diện hoạt động hợp tác giữa Trường Cao đẳng Y Dược Tuệ Tĩnh Hà Nội với các doanh nghiệp, cơ sở y tế và đơn vị sử dụng lao động trong đào tạo và giải quyết việc làm cho sinh viên.

Nghiên cứu được thực hiện các phương pháp hỗn hợp, triển khai theo quan điểm lấy người học làm trung tâm, coi doanh nghiệp là đối tác chiến lược của nhà trường trong đào tạo, nghiên cứu ứng dụng và phát triển nguồn nhân lực. Đây cũng là định hướng phù hợp với chủ trương đổi mới GDNN theo hướng gắn đào tạo với nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

2.2.2. Khung nghiên cứu

Trên cơ sở tổng hợp các nghiên cứu trước đây và mục tiêu của đề tài, tác giả xây dựng khung nghiên cứu gồm năm nhóm yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp bao gồm: Cơ chế, chính sách hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp; Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra; Mức độ tham gia của doanh nghiệp vào quá trình đào tạo; Hoạt động hỗ trợ việc làm và kết nối tuyển dụng; Ứng dụng công nghệ số trong quản lý quan hệ doanh nghiệp; Khung nghiên cứu này là cơ sở để đánh giá thực trạng và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp.

2.2.3. Các phương pháp sử dụng trong nghiên cứu

*Phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu: nhằm để hệ thống hóa cơ sở lý luận, tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước, đồng thời làm rõ các khái niệm, mô hình và xu hướng hợp tác giữa cơ sở giáo dục và doanh nghiệp.

* Phương pháp thống kê mô tả: nhằm để mô tả thực trạng hoạt động hợp tác doanh nghiệp của nhà trường thông qua các chỉ tiêu như: Số lượng doanh nghiệp hợp tác; Số lượng sinh viên thực tập; Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp; Số lượng chương trình phối hợp đào tạo; Mức độ hài lòng của doanh nghiệp.

*Phương pháp so sánh: So sánh hoạt động hợp tác doanh nghiệp của Trường Cao đẳng Y Dược Tuệ Tĩnh Hà Nội với xu hướng chung của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, qua đó xác định những điểm mạnh, hạn chế và cơ hội cải thiện.

*Phương pháp phân tích SWOT: Nghiên cứu sử dụng mô hình SWOT để đánh giá: Strengths (Điểm mạnh): mạng lưới hợp tác hiện có, đội ngũ giảng viên, cơ sở thực hành... Weaknesses (Điểm yếu): cơ chế phối hợp, nguồn lực, hệ thống theo dõi việc làm... Opportunities (Cơ hội): nhu cầu nhân lực y tế, chuyển đổi số, hợp tác quốc

tế... Threats (Thách thức): cạnh tranh tuyển sinh, yêu cầu chất lượng ngày càng cao, biến động thị trường lao động. Kết quả phân tích SWOT là cơ sở đề xuất các giải pháp phù hợp.

Sử dụng kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu giúp nâng cao độ tin cậy và tính khách quan của kết quả phân tích. Đồng thời, khung phương pháp được xây dựng có thể áp dụng để đánh giá hoạt động hợp tác doanh nghiệp không chỉ tại Trường Cao đẳng Y Dược Tuệ Tĩnh Hà Nội mà còn đối với các cơ sở GDNN đào tạo trong lĩnh vực y dược có điều kiện tương đồng.

2.2.4. Phân tích kết quả hoạt động hợp tác, kết nối doanh nghiệp tại Trường cao đẳngY dược Tuệ Tĩnh Hà Nội

Trường Cao đẳng Y Dược Tuệ Tĩnh Hà Nội là cơ sở GDNN đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực y tế với các ngành trọng điểm như Điều dưỡng, Dược, Y sĩ đa khoa, Y học cổ truyền, Kỹ thuật Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng, Kỹ thuật xét nghiệm Y học, Chăm sóc sắc đẹp và một số chuyên ngành khác đáp ứng nhu cầu của hệ thống khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe. Trong những năm gần đây, nhà trường đã từng bước đổi mới chương trình đào tạo theo định hướng phát triển năng lực, tăng cường thời lượng thực hành và mở rộng quan hệ hợp tác với các cơ sở y tế, bệnh viện, doanh nghiệp dược phẩm và đơn vị sử dụng lao động.

Trong thời gian qua, hoạt động hợp tác được triển khai dưới nhiều hình thức như ký kết thỏa thuận hợp tác, phối hợp tổ chức thực tập, hỗ trợ tuyển dụng, tham gia tư vấn chương trình đào tạo và phối hợp tổ chức các hoạt động hướng nghiệp cho sinh viên.

(1) Hợp tác trong tổ chức thực hành, thực tập: Nhà trường đã phối hợp với các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh, nhà thuốc và doanh nghiệp dược. Việc bố trí thực tập tại cơ sở sử dụng lao động giúp người học có điều kiện vận dụng kiến thức vào thực tiễn, đồng thời tạo cơ hội để các đơn vị sử dụng lao động đánh giá năng lực và tuyển dụng sinh viên phù hợp.

(2) Hợp tác trong xây dựng chương trình đào tạo: Nhà trường đã từng bước tham khảo ý kiến của các đơn vị sử dụng lao động trong quá trình rà soát và điều chỉnh chương trình đào tạo. Những góp ý từ phía doanh nghiệp góp phần cập nhật kiến thức chuyên môn, bổ sung kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm và các yêu cầu về chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế. Tuy nhiên, mức độ tham gia của doanh nghiệp vào quá trình xây dựng chương trình đào tạo vẫn chưa đồng đều giữa các ngành và chủ yếu mang tính tư vấn, chưa hình thành cơ chế phối hợp thường xuyên.

(3) Hợp tác trong tuyển dụng và giới thiệu việc làm: Thông qua các hoạt động tư vấn hướng nghiệp, ngày hội việc làm, hội thảo tuyển dụng và kết nối với doanh nghiệp, nhà trường đã tạo thêm cơ hội để sinh viên tiếp cận thông tin thị trường lao động và các vị trí việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo.

(4) Hợp tác trong bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp: Ngoài chương trình đào tạo chính khóa, nhà trường phối hợp với doanh nghiệp tổ chức các chuyên đề về kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp với người bệnh, văn hóa doanh nghiệp, kỹ năng phỏng vấn và kỹ năng thích ứng với môi trường làm việc. Các hoạt động này góp phần nâng cao năng lực nghề nghiệp toàn diện của sinh viên.

2.2.5. Đánh giá chung về thực trạng hoạt động hợp tác, kết nối doanh nghiệp tại Trường cao đẳngY dược Tuệ Tĩnh Hà Nội

Ưu điểm: Nhận thức của cán bộ quản lý, giảng viên và doanh nghiệp về hợp tác đào tạo được nâng cao; mạng lưới hợp tác với bệnh viện, doanh nghiệp dược và cơ sở y tế ngày càng mở rộng. Hoạt động thực hành, thực tập, tư vấn hướng nghiệp và kết nối việc làm được triển khai thường xuyên, góp phần nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, chất lượng đào tạo và tăng cơ hội việc làm cho sinh viên. Kết quả này phù hợp với nhận định của OECD (2021) và ILO (2022) về vai trò của doanh nghiệp trong nâng cao chất lượng đào tạo và khả năng có việc làm.

Hạn chế: Mạng lưới doanh nghiệp hợp tác chưa tương xứng với tiềm năng thị trường; doanh nghiệp còn ít tham gia xây dựng chương trình và đánh giá chuẩn đầu ra. Công tác theo dõi việc làm sau tốt nghiệp chưa được thực hiện hệ thống; kết nối tuyển dụng chủ yếu theo từng đợt, chưa có cơ sở dữ liệu số liên thông. Bên cạnh đó, nguồn lực cho quan hệ doanh nghiệp còn hạn chế và chưa xây dựng bộ chỉ số đánh giá hiệu quả hợp tác.

2.3. Biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động hợp tác, kết nối doanh nghiệp tại Trường cao đẳng Y dược Tuệ Tĩnh Hà Nội

2.3.1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp

Giải pháp này rất quan trọng và cần thiết nhằm hoàn thiện cơ chế, chính sách hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp. Bởi vì hiện còn nhiều hoạt động hợp tác hiện nay mới dừng ở việc ký kết biên bản ghi nhớ, trong khi chưa xây dựng được quy chế phối hợp cụ thể về trách nhiệm, quyền lợi và phương thức triển khai.

Nội dung và cách thực hiện biện pháp

Nhà trường xây dựng Quy chế hợp tác doanh nghiệp theo hướng xác định rõ trách nhiệm của từng bên trong các hoạt động; Xây dựng chương trình đào tạo; Tổ chức thực hành, thực tập; Đánh giá chuẩn đầu ra; Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; Tuyển dụng và sử dụng lao động.

Đồng thời, nhà trường hình thành cơ chế đối thoại thường xuyên giữa lãnh đạo nhà trường và doanh nghiệp nhằm kịp thời nắm bắt nhu cầu nhân lực, xu hướng phát triển của ngành y tế và những yêu cầu mới về kỹ năng nghề nghiệp.

2.3.2. Đổi mới chương trình đào tạo theo định hướng phát triển năng lực và nhu cầu thị trường lao động

Biện pháp này rất quan trọng đối với cơ sở đào tạo nhằm đào tạo theo định hướng phát triển năng lực người học và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Nội dung và cách thực hiện biện pháp

Nhà trường chú trọng cập nhật thường xuyên chương trình đào tạo trên cơ sở tham khảo ý kiến của doanh nghiệp, bệnh viện và các đơn vị sử dụng sản phẩm đào tạo của nhà trường.

Nhà trường tiến hành rà soát chuẩn đầu ra hằng năm; Tăng tỷ trọng học phần thực hành; Tích hợp kỹ năng số trong y tế; Bổ sung nội dung về kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm và đạo đức nghề nghiệp; Tăng cường đào tạo ngoại ngữ chuyên ngành.

Đồng thời nhà trường mời các Doanh nghiệp tham gia Hội đồng tư vấn chương trình đào tạo để bảo đảm nội dung giảng dạy sát với yêu cầu thực tiễn.

2.3.3. Mở rộng mạng lưới đối tác chiến lược

Biện pháp này rất quan trọng nhằm mở rộng quy mô đào tạo và hoạt động nghiên cứu của nhà trường.

Nội dung và cách thực hiện biện pháp

Nhà trường chủ động mở rộng hợp tác với: Bệnh viện công lập; Bệnh viện tư nhân; Doanh nghiệp dược phẩm; Doanh nghiệp sản xuất thiết bị y tế; Chuỗi nhà thuốc; Trung tâm phục hồi chức năng; Viện dưỡng lão; Doanh nghiệp chăm sóc sức khỏe tại nhà; Doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng điều dưỡng làm việc ở nước ngoài.

Thực hiện đa dạng hóa đối tác sẽ giúp sinh viên có thêm nhiều lựa chọn nghề nghiệp, đồng thời giảm sự phụ thuộc vào một số đơn vị hợp tác truyền thống.

2.3.4. Thành lập Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp và Hỗ trợ việc làm

Biện pháp này rất cần thiết nhằm khắc phục những hạn chế hiện nay trong hoạt động kết nối doanh nghiệp còn phân tán ở nhiều đơn vị phối hợp.

Nội dung và cách thực hiện biện pháp

Nhà trường thành lập Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp và Hỗ trợ việc làm, Trung tâm này đóng vai trò đầu mối trong toàn bộ hoạt động hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp. Nhà trường giao Trung tâm này thực hiện các chức năng, nhiệm vụ: Phát triển mạng lưới doanh nghiệp; Tổ chức ngày hội việc làm; Quản lý cơ sở dữ liệu doanh nghiệp; Tư vấn nghề nghiệp; Hỗ trợ khởi nghiệp; Khảo sát việc làm sau tốt nghiệp; Kết nối cựu sinh viên; Đánh giá mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng.

2.3.5. Xây dựng mô hình hợp tác "4 nhà"

Biện pháp này rất quan trọng và có ý nghĩa trong đào tạo và cung ứng sản phẩm đào tạo của nhà trường.

Nội dung và cách thực hiện biện pháp

Nhà trường nghiên cứu mô hình: Nhà trường – Doanh nghiệp – Bệnh viện – Cựu sinh viên. Trong mô hình này phân rõ nhiệm vụ của nhà trường gồm Đào tạo, nghiên cứu khoa học; cung cấp nguồn nhân lực; đánh giá chất lượng đào tạo.

Doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ: Góp ý chương trình đào tạo; Tài trợ thiết bị; Tiếp nhận sinh viên thực tập; Tuyển dụng sản phẩm đào tạo của nhà trường..

Bệnh viện thực hiện nhiệm vụ: Hướng dẫn sinh viên thực hành; đào tạo kỹ năng nghề cho sinh viên; đánh giá năng lực thực hành của sinh viên; phối hợp với nhà trường tiến hành hoạt động nghiên cứu.

Nhiệm vụ đối với các cựu sinh viên: Phản hồi chương trình đào tạo; kết nối doanh nghiệp với nhà trường; Chia sẻ kinh nghiệm nghề nghiệp với nhà trường; Hỗ trợ tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp của nahf trường.

Khác với mô hình truyền thống chỉ có Nhà trường – Doanh nghiệp, mô hình này bổ sung vai trò của Bệnh viện và Cựu sinh viên, qua đó tạo thành hệ sinh thái hợp tác toàn diện hơn, phù hợp với đặc thù đào tạo nhân lực y dược.

2.3.6. Xây dựng cơ sở dữ liệu số kết nối doanh nghiệp

Biện pháp này rất cần thiết nhằm giúp nhà trường cần xây dựng Cổng thông tin Quan hệ doanh nghiệp.

Nội dung và cách thực hiện biện pháp

Nhà trường tiến hành xây dựng Cổng thông tin Quan hệ doanh nghiệp với các chức năng: Đăng nhu cầu tuyển dụng; Đăng ký thực tập; Quản lý doanh nghiệp đối tác; Theo dõi việc làm sinh viên; Khảo sát trực tuyến; Kết nối cựu sinh viên.

Hệ thống này giúp nhà trường rút ngắn thời gian kết nối giữa doanh nghiệp và người học,

đồng thời cung cấp dữ liệu phục vụ quản trị và cải tiến chất lượng đào tạo sinh viên ngành Y dược.

2.3.7. Thiết lập bộ chỉ số đánh giá hiệu quả hợp tác doanh nghiệp (Enterprise Partnership KPI)

Biện pháp này rất cần thiết đối với cơ sở đào tạo nhằm đánh giá khoa học, khách quan hiệu quả hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp

Nội dung và cách thực hiện biện pháp

Để quản lý kết quả hoạt động hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp trong bối cảnh thực hiện cơ chế thị trường, tác giả đề xuất bộ chỉ số gồm 10 nội dung dưới đây:

Chỉ số	Nội dung
KPI 1	Số doanh nghiệp ký kết hợp tác mới hằng năm
KPI 2	Tỷ lệ doanh nghiệp tiếp tục hợp tác
KPI 3	Tỷ lệ sinh viên được bố trí thực tập
KPI 4	Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 6 tháng
KPI 5	Tỷ lệ việc làm đúng chuyên ngành
KPI 6	Mức độ hài lòng của doanh nghiệp
KPI 7	Mức độ hài lòng của sinh viên
KPI 8	Số chuyên gia doanh nghiệp tham gia giảng dạy
KPI 9	Số hoạt động tư vấn nghề nghiệp
KPI 10	Số đề tài nghiên cứu hợp tác với doanh nghiệp

Việc áp dụng hệ thống KPI sẽ giúp nhà trường lượng hóa hiệu quả hợp tác với doanh nghiệp, đồng thời hỗ trợ nhà trường theo dõi tiến độ, đánh giá kết quả và điều chỉnh chiến lược phát triển quan hệ doanh nghiệp theo từng giai đoạn.

2.3.8. Tăng cường hợp tác quốc tế

Biện pháp này rất cần thiết nhằm đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu, mở rộng cơ hội việc làm cho sinh viên góp phần nâng cao uy tín và vị thế của nhà trường trong đào tạo nhân lực ngành Y dược.

Nội dung và cách thực hiện biện pháp

Nhà trường xây dựng chương trình và tiến hành đào tạo các ngành nghề: điều dưỡng, kỹ thuật viên và nhân lực chăm sóc sức khỏe cung cấp cho các doanh nghiệp nước ngoài đang có nhu cầu như: Nhật Bản, Đức, Hàn Quốc và Đài Loan (Trung Quốc).

Đồng thời nhà trường chủ động ký kết hợp tác với các tổ chức quốc tế về liên kết đào tạo và nghiên cứu; Mở rộng chương trình thực tập và làm việc cho sinh viên ở nước ngoài; Tăng cường đào tạo ngoại ngữ chuyên ngành; Chuẩn hóa kỹ năng nghề theo tiêu chuẩn quốc tế.

III. KẾT LUẬN

Đối với các cơ sở đào tạo khối ngành sức khỏe, hợp tác giữa nhà trường với bệnh viện, doanh nghiệp dược, doanh nghiệp thiết bị y tế và các đơn vị sử dụng lao động có vai trò quan trọng trong nâng cao chất lượng đào tạo, tăng cơ hội thực hành và việc làm cho sinh viên.

Thời gian qua, Trường Cao đẳng Y Dược Tuệ Tĩnh Hà Nội đã mở rộng hợp tác với các cơ sở y tế và doanh nghiệp thông qua hoạt động thực hành, thực tập, tư vấn hướng nghiệp và kết nối tuyển dụng, góp phần đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

Trên cơ sở phân tích cơ sở lý luận và thực trạng mô hình hợp tác, bài báo đề xuất 8 biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp. Các biện pháp được đánh giá có tính cần thiết và khả thi, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và tăng cơ hội việc làm cho sinh viên trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2013). Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. (2021). Chiến lược phát triển GDNN giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2045. Hà Nội.

Bộ Y tế. (2021). Chiến lược quốc gia về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2045. Hà Nội.

Quốc hội. (2019). Luật Giáo dục (Luật số 43/2019/QH14).

Thủ tướng Chính phủ. (2021). Quyết định số 2239/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển GDNNgiai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2045.

6..UNESCO. (2021). Reimagining Our Futures Together: A New Social Contract for Education. Paris: UNESCO.

World Health Organization. (2020). State of the World's Nursing 2020: Investing in Education, Jobs and Leadership. Geneva: WHO.